

Bản án số: 73/2017/HSST
Ngày 26 - 10 - 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Doãn Văn Tuyền.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Trường
Ông Tạ Văn Nhật
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thuý Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 76/2017/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Th, sinh năm 1983 tại xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 9, xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Trần Văn Th và bà Trần Thị D; có vợ, đã ly hôn và có 01 con sinh năm 2006; tiền án: Có 02 tiền án, tại Bản án số 22/2014/HSST ngày 25/3/2014 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Đ, xử phạt 15 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Bản án số 37/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Toà án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội, xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 37/2003/HSST ngày 22/8/2003 của Toà án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Bản án số 22/2008/HSST ngày 18/4/2008 của Toà án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Bản án số 14/2009/HSST ngày 17/3/2009 của Toà án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội, xử phạt 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; danh bản, chỉ bản số 180 lập ngày 06/9/2017 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/9/2017 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn C, sinh năm 1989 tại xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 4, xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; con ông Lê Duy Nh và bà Trần Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền

sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/10/2013 bị UBND huyện Đ, Thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh thời gian 24 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 29/9/2015 bị UBND huyện Đ áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy thời hạn 24 tháng kể từ ngày 25/10/2015; danh bản, chỉ bản số 190 lập ngày 21/9/2017 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị bắt tạm giam ngày 19/9/2017 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: Chị Phùng Thị Th, sinh năm 1983; địa chỉ: Cụm 2, xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan*: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1960 và bà Trần Thị D, sinh năm 1965; cùng địa chỉ: Cụm 9, xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Trần Văn Th và Lê Văn C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 20/4/2017, Trần Văn Th ở Cụm 9, xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội gọi điện thoại cho Lê Văn C ở Cụm 4, xã A, huyện Đ rủ C đi chơi và C đồng ý. Sau đó, Th đi xe máy Dream, nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 30P8-1026, là xe của ông Trần Văn Th và bà Trần Thị D (bố, mẹ đẻ của Th) đến xã A để đón C. Sau đó, Th điều khiển xe chở C đi từ xã A về hướng xã X. Khi đi đến khu vực Cụm 2, xã X, ngang qua cổng nhà chị Phùng Thị Th thì Th thấy cửa cổng nhà chị Th mở, cửa kính trước nhà cũng mở. Th nhìn thấy trên bàn trong nhà gần phía cửa kính nhà chị Th cách chỗ Th khoảng 7m đến 8m có chiếc điện thoại di động, trong nhà không có người. Thấy vậy, Th dừng xe máy lại và nói với C “Mày ở ngoài trông người để tao vào trong lấy trộm cái điện thoại”, C đồng ý. C ngồi trên xe máy của Th dựng trước cổng nhà chị Th để trông người, có gì thì báo cho Th biết, còn Th đi vào trong nhà chị Th để lấy điện thoại. Khi vào trong nhà, Th nhìn thấy trên bàn cạnh cửa kính có hai chiếc điện thoại di động, một chiếc loại Iphone 5 màu trắng và một chiếc loại Iphone 5S màu vàng. Th nghe thấy có tiếng động như tiếng xả nước trong bếp nhà chị Th nhưng không nhìn thấy ai nên Th đã lấy trộm cả hai chiếc điện thoại di động trên, đút vào túi quần rồi đi ra chỗ C đang đứng. Th nói với C là lấy được một chiếc điện thoại và lấy cho C xem chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng rồi lại cất vào túi quần đang mặc. Sau khi lấy được điện thoại, Th chở C về nhà C rồi quay về nhà mình. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 20/4/2017, khi Th đang ở nhà thì có Công an đến kiểm tra, Th biết việc mình lấy trộm điện thoại đã bị phát hiện nên cầm theo cả hai chiếc điện thoại rồi trèo tường phía sau nhà bỏ trốn. Sau khi bỏ trốn, Th bắt xe khách đến phòng trọ của một người bạn của Th tên là H ở phường M, quận TL, Hà Nội và chơi ở đó.

Khoảng 9 giờ ngày 21/4/2017, Th gọi điện nói cho C biết việc lấy trộm điện thoại di động đã bị Công an phát hiện và bảo C trốn đi. Thấy Th nói vậy, C đã bỏ trốn khỏi địa phương. Khi ông Trần Văn Th (bố đẻ Th) gọi điện hỏi Th có lấy trộm điện thoại của chị Th không thì Th thừa nhận đã lấy trộm hai chiếc điện thoại của một nhà ven đường. Ông Th bảo Th mang điện thoại về trả cho chị Th thì Th đồng ý và nhờ H gửi người mang hai chiếc điện thoại di động về đưa cho ông Th để trả cho chị Th. Ngày 22/4/2017, ông Trần Văn Th đã mang hai chiếc điện thoại Th gửi về trả lại cho chị Th, chị Th đã yêu cầu ông Th mang đến nộp tại Công an huyện Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐ ngày 25/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, đã qua sử dụng có số Imei 990002264637578 có giá trị là 2.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu vàng, đã qua sử dụng có số Imei 013880009093105 có giá trị là 2.600.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Trần Văn Th khai: Bản thân Th nghiện ma túy. Khoảng 18 giờ ngày 20/4/2014, Th đến đón C để cả hai cùng đi mua ma túy về sử dụng, khi đi ngang qua cổng nhà chị Th nhìn thấy trên bàn trong nhà chị Th có để chiếc điện thoại di động, bên cạnh không thấy có người nên Th đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại để bán lấy tiền chi tiêu. Sau khi bảo C đứng ở ngoài canh gác, Th đã vào nhà để lấy trộm điện thoại. Thấy trên bàn có hai chiếc điện thoại di động loại Iphone 5 và Iphone 5S, Th liền lấy cả hai chiếc nhưng sau đó Th chỉ nói và lấy cho C biết và xem một chiếc điện thoại lấy trộm được. Th không nhớ là đã cho C xem chiếc điện thoại nào. Sở dĩ Th chỉ nói với C là lấy được một chiếc điện thoại vì Th định bán riêng một chiếc lấy tiền tiêu riêng, không phải chia cho C.

Lê Văn C khai: C và Th cùng nghiện ma túy nên thỉnh thoảng Th rủ C cùng đi mua ma túy để sử dụng. Ngày 20/4/2017, Th cũng rủ C đi mua ma túy để sử dụng. Khi Th đến đón C và cả hai đi đến gần quán bia nhà anh M ở Cụm 2, xã X thì Th dùng xe lại bảo C đứng ngoài trông xe và trông người để Th vào nhà cạnh nhà anh M trộm cắp tài sản. Được một lát thì Th đi ra, trên tay cầm một chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng và nói với C là “anh vừa lấy được con Iphone này”. Ngoài chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng Th cho C xem thì C không thấy và không biết Th có lấy được tài sản nào khác hay không. Chiếc điện thoại Iphone 5 lấy trộm được do Th giữ. Sáng ngày hôm sau, Th gọi điện thoại cho C báo sự việc đã bị phát hiện, bảo C trốn đi. Vì sợ nên C đã bỏ trốn sang huyện A, Thành phố Hà Nội để làm thuê và cũng không liên lạc gì với Th.

Hai chiếc điện thoại di động do ông Trần Văn Th giao nộp cho cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã được xác nhận đúng là điện thoại của chị Th bị mất, Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị Th.

Tại bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 11 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội đã truy tố Trần Văn Th và Lê Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Trần Văn Th và Lê Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong quá trình điều tra và nội D bản cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đều nhận thức hành vi của mình là sai trái nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt. Người bị hại là chị PH Thị Th có đơn trình bày đã được nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về dân sự và xin được vắng mặt tại phiên toà. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Th và bà D khai chiếc xe máy Dream, biển kiểm soát 30P8-1026 mà bị cáo Th sử dụng khi đi trộm cắp điện thoại là tài sản chung của hai ông bà. Hàng ngày, ông, bà cho Th mượn để sử dụng hành nghề lái xe ôm kiếm sống. Ông, bà không biết việc Th dùng xe để đi trộm cắp tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội trình bày luận tội, giữ nguyên nội D cáo trạng đã truy tố các bị cáo Trần Văn Th và Lê Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Th từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo C từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên toà, các bị cáo Trần Văn Th và Lê Văn C đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, nội D bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo. Lời khai của các bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của người bị hại, những người làm chứng, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 20/4/2017, Trần Văn Th điều khiển xe máy Dream, nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 30P8-1026 chở Lê Văn C trên đường đi từ xã A về xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Khi đi ngang qua nhà chị Phùng Thị Th thuộc Cụm 2, xã X, huyện Đ thì Th nhìn thấy trên bàn đặt gần cửa kính ở trong nhà chị Th có chiếc điện thoại. Trần Văn Th đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại để bán lấy tiền chi tiêu. Th bảo với Lê Văn C đang đi cùng mình đứng ở ngoài cổng nhà chị Th để canh gác còn mình thì đi vào trong nhà chị Th để lấy trộm điện thoại. C đồng ý và đứng ngoài canh gác, còn Th đi vào trong nhà để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Khi vào trong nhà chị Th, Th thấy không có người và thấy trên bàn có một chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu trắng, có trị giá 2.000.000 đồng và một chiếc Iphone 5S màu vàng, có trị giá 2.600.000 đồng. Th đã lấy trộm cả hai chiếc điện thoại, cất vào túi quần đang mặc và đi ra chỗ C đang

đứng canh gác. Th chỉ nói với C là lấy trộm được một chiếc điện thoại và cho C xem chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng, mục đích của Th là để giữ riêng một chiếc điện thoại, khi bán được tiền không phải chia cho C. Sau khi lấy được hai chiếc điện thoại, Th đem về nhà mình ở Cụm 9, xã A để cất giấu, chưa kịp tiêu thụ thì bị Công an phát hiện. Th đã bỏ trốn và báo cho C biết để C bỏ trốn., sau đó cả hai đều bị bắt giữ.

Bị cáo Trần Văn Th vào nhà chị Th và có hành vi lén lút chiếm đoạt hai chiếc điện thoại di động và việc Lê Văn C có hành vi đứng ngoài cổng nhà chị Th canh gác, nhằm giúp sức cho Th thực hiện tội phạm đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo Th, C theo tội danh và viện dẫn điều luật như nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi trộm cắp tài sản của Trần Văn Th và Lê Văn C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an chung tại địa phương. Các bị cáo đều là những thanh niên còn trẻ, có sức khỏe, đang trong độ tuổi lao động nhưng không chịu tu dưỡng bản thân, ăn chơi đua đòi nên sa vào nghiệp ngập và dẫn đến việc phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo Th và bị cáo C với hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa tội phạm.

Đây là vụ án đồng phạm, giữa các bị cáo có sự phân công nhiệm vụ nhưng không có sự tổ chức, thống nhất, bàn bạc phân công nhiệm vụ từ trước nên tính chất đồng phạm chỉ là giản đơn. Tuy nhiên, cũng cần xem xét đánh giá vai trò của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

Đối với bị cáo Trần Văn Th là người khởi xướng việc trộm cắp và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Khi lấy được hai chiếc điện thoại tại nhà chị PH Thị Thao nhưng Th chỉ nói cho Lê Văn C biết mình lấy được một chiếc điện thoại, nhằm mục đích khi bán được tài sản trộm cắp Th không phải chia cho C tiền chiếc điện thoại còn lại. Như vậy, xác định Trần Văn Th đứng đầu vụ và phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo C. Bản thân bị cáo Th có nhân thân rất xấu, bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về tội chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án tích), hiện bị cáo còn hai tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án, trong đó Bản án số 37/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Toà án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội, xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng nên hành vi phạm tội của bị cáo lần này là “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Mặt khác, điều đó cũng thể hiện bị cáo đã nhiều lần được giáo dục nhưng không tu dưỡng bản thân trở thành người tốt mà vẫn tiếp tục phạm tội.

Bị cáo Lê Văn C không trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng C đứng ngoài cổng để canh gác cho Th, là người giúp sức cho bị cáo Th thực hiện hành

vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, C có vai trò thứ hai và sẽ được áp dụng mức hình phạt thấp hơn so với mức hình phạt sẽ áp dụng đối với Th.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo; tài sản chiếm đoạt đã được bị cáo Th đã tự nguyện nhờ người thân của mình nộp để trả lại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy bị cáo Th và bị cáo C đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo qui định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo.

Đối với người tên H là bạn của bị cáo Trần Văn Th, bị cáo Th khai nhờ H mang hai chiếc điện thoại Th đã lấy trộm được gửi về cho ông Th để trả lại cho chị Th nhưng Th không nói cho H biết đó là điện thoại do Th trộm cắp được, cơ quan điều tra cũng không lấy được lời khai của H do vậy chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với H.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 30P8-1026 do bị cáo Trần Văn Th sử dụng khi đi trộm cắp điện thoại, quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Trần Văn Th và bà Trần Thị D, bố mẹ đẻ của Th. Ông Th và bà D không biết Th dùng chiếc xe và thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả cho ông Th và bà D là phù hợp.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Phùng Thị Th đã được nhận lại hai chiếc điện thoại bị mất trộm, chị Th không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về dân sự. Ông Th và bà D đã nhận lại chiếc xe máy và không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn Th và bị cáo Lê Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn Th và Lê Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Th 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 06/9/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn C 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 19/9/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được trả lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

- Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Văn Th và Lê Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Bị cáo, người bị hại.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Doãn Văn Tuyển